

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TIỂU HỌC CÁC TỈNH BẮC TRUNG BỘ

ThS. LÊ THỊ THANH THỦY

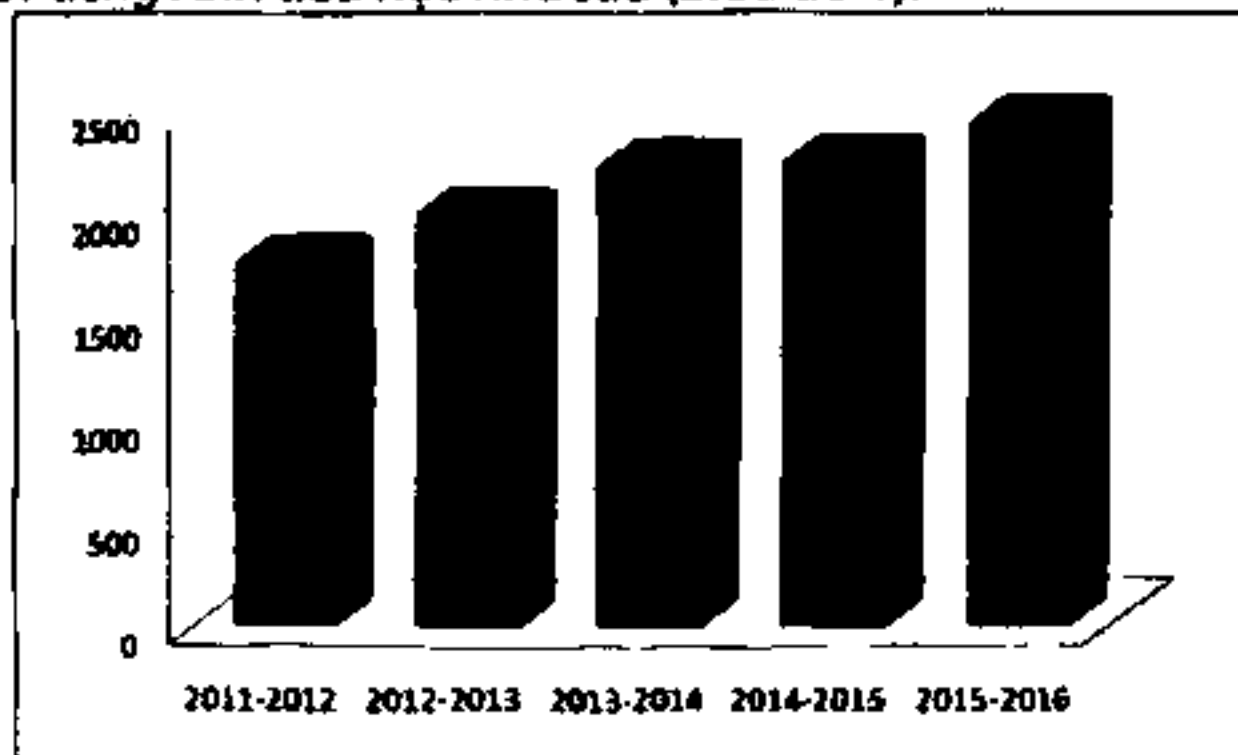
Phòng GD&ĐT huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Đề án dạy học Ngoại ngữ quốc gia 2020 ra đời năm 2008 đã đi tắt, đón đầu tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của Việt Nam và xu thế đổi mới dạy học ngoại ngữ trên toàn thế giới. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện đề án, vấn đề được quan tâm nhất hiện nay chính là đội ngũ giáo viên (ĐNGV) - yếu tố then chốt nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích thực trạng ĐNGV tiếng Anh, sự phát triển và quản lý phát triển ĐNGV tiếng Anh tiểu học tại sáu tỉnh Bắc Trung Bộ qua việc khảo sát bằng phiếu hỏi đối với giáo viên (GV) dạy tiếng Anh tiểu học, cán bộ quản lý các trường tiểu học, lãnh đạo và chuyên viên phụ trách chuyên môn sở, phòng giáo dục và đào tạo tại sáu tỉnh Bắc Trung bộ (Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa).

2. Số lượng ĐNGV tiếng Anh tiểu học tại sáu tỉnh Bắc Trung Bộ

Chất lượng dạy học tiếng Anh tiểu học phụ thuộc vào số lượng, cơ cấu ĐNGV (độ tuổi, trình độ lý luận chính trị...). Định mức tiết dạy của GV tiếng Anh dạy tiểu học thực hiện theo quy định là 23 tiết/tuần. Riêng GV năm đầu tiên giảng dạy chương trình tiếng Anh tiểu học theo quy định của Đề án ngoại ngữ 2020 được bố trí dạy không quá 18 tiết/tuần, 5 tiết còn lại dành để học tập nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và làm quen với chương trình mới. Trong trường hợp GV dạy quá 18 tiết/tuần, số tiết còn lại được tính thừa giờ theo quy định hiện hành. Thống kê số lượng GV tiếng Anh tiểu học như sau (Biểu đồ 1):



Biểu đồ 1: Số lượng GV tiếng Anh tiểu học các tỉnh Bắc Trung Bộ

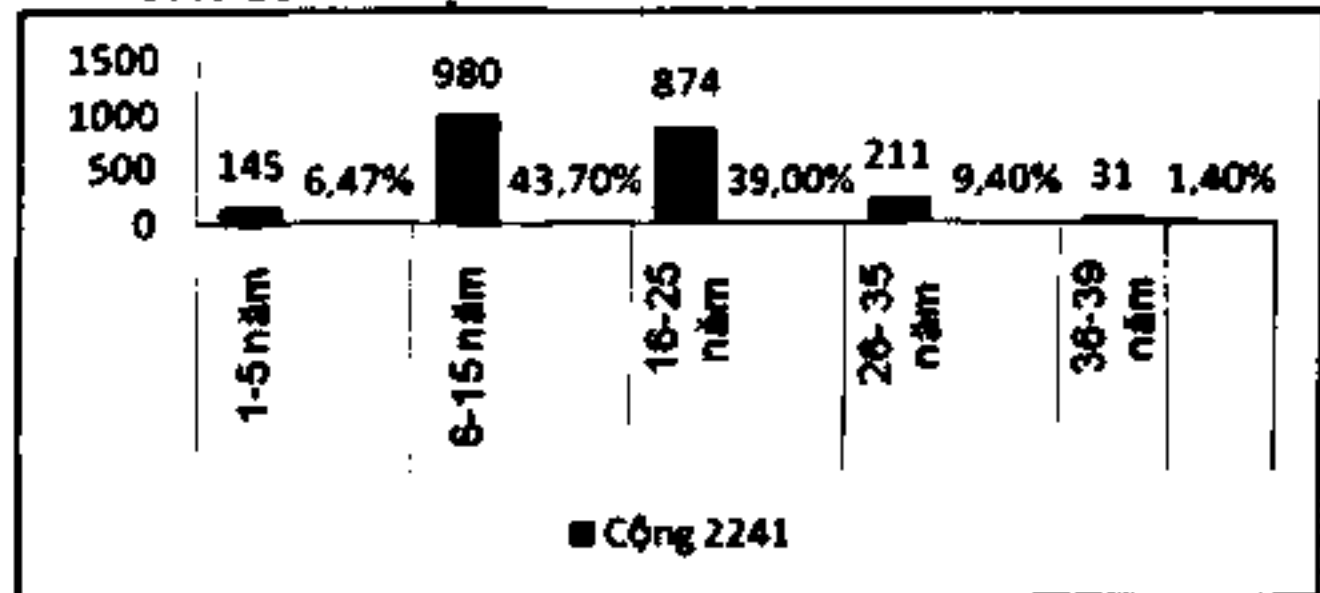
Từ năm 2011 đến nay, số lượng GV đã dần dần đáp ứng được yêu cầu dạy học. Năm học 2011-2012, số lượng GV chỉ 1.755 người, đến năm học 2014-2015, số lượng GV đã tăng lên đáng kể (2.434 người, tăng 679 người). Mặc dù chưa đáp ứng được tuyệt đối theo quy định nhưng so với thực tiễn thống kê phát triển số học sinh, số lớp học tiếng Anh theo Đề án dạy học ngoại ngữ quốc gia và dự báo phát triển những năm tiếp theo, ĐNGV tiếng Anh tiểu học

cơ bản đã đảm bảo được số lượng cần thiết, đáp ứng được yêu cầu phát triển của môn học.

Tuy nhiên, qua số liệu thống kê [1] cho thấy, mặc dù trong những năm qua, phòng giáo dục và đào tạo của các huyện, thị xã, thành phố đã cố gắng để tăng cường số lượng GV, nhưng vẫn chậm, chưa tương xứng với sự gia tăng số lớp. Năm học 2014-2015, toàn vùng còn thiếu 114 GV tiếng Anh tiểu học (chưa tính số GV đang hợp đồng). Bên cạnh đó, tỉ lệ GV biên chế tuy đã tăng hơn so với những năm đầu thực hiện Đề án nhưng tỉ lệ GV hợp đồng vẫn cao (35,7%). Đây chính là mâu thuẫn chủ yếu chi phối quá trình vận động và phát triển của các trường tiểu học và chất lượng môn học trong giai đoạn hiện nay. Và tình hình trên cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến việc giải bài toán giữa nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh cấp Tiểu học vốn không đơn giản nay lại càng phức tạp hơn. Việc thiếu GV ảnh hưởng rất nhiều đến các hoạt động của nhà trường. Tải trọng thời gian đứng lớp của GV sẽ tăng lên, GV không có thời gian cho việc tự học, tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, không đủ điều kiện để đổi mới phương pháp dạy học và rõ ràng hệ quả là ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng dạy học.

3. Cơ cấu ĐNGV tiếng Anh tiểu học tại sáu tỉnh Bắc Trung Bộ

3.1. Cơ cấu độ tuổi



Biểu đồ 2: Cơ cấu độ tuổi GV tiếng Anh tiểu học

Biểu đồ trên cho thấy, trong tổng số 2.241 GV tiếng Anh tại các trường tiểu học trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ, có 145 GV dưới 25 tuổi, chiếm 6,47%. Đây là số GV mới tốt nghiệp ra trường, kinh nghiệm giảng dạy từ 01 - 05 năm, là giai đoạn để GV dần tiếp cận, làm quen với nghề dạy học, chủ yếu để thực hành những kiến thức giảng dạy đã được đào tạo tại các trường cao đẳng, đại học. Có 980 GV (43,7%) trong độ tuổi từ 25-35 với 6-15 năm công tác. Là lực lượng chiếm số đông trong ĐNGV, đặc trưng trong hoạt động nghề nghiệp của độ tuổi này là trẻ, nhiệt tình, đam mê với nghề nghiệp nên các hoạt động dạy học ở các nhà trường cũng như các hoạt động ở bên ngoài nhà trường trở nên sinh động, phong phú hơn. Về chuyên môn, lực lượng này có tri thức mới về chuyên ngành tiếng Anh và kĩ năng sư phạm, mới được tiếp cận với việc đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh, đã có những tiếp cận chắc chắn trong việc thích ứng với công

việc người GV tiếng Anh tiểu học.

GV có độ tuổi từ 36-45 chiếm tỉ lệ khá cao (39,0%). Đây là lực lượng nòng cốt vì phần lớn GV trong độ tuổi này đã đạt được độ chín chắn, hoàn thiện trong chuyên môn và nghiệp vụ. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dạy học môn tiếng Anh tiểu học. Lực lượng này nếu được quản lí phát triển tốt sẽ là lực lượng nòng cốt trong chuyên môn, là lực lượng kế cận tạo nguồn CBQL.

Số GV có độ tuổi từ 46-60 chiếm tỉ lệ 10,8%, có thâm niên trong nghề trong khoảng từ 30-39 năm. Với số năm công tác nhiều nên những GV này có bề dày kinh nghiệm trong dạy học. Là lực lượng chủ yếu để chuyển giao kinh nghiệm nghề nghiệp, đặc biệt họ đã tiếp cận với nhiều loại chương trình khác nhau nên nếu biết cách quản lí, phát triển thì khi đổi mới phương pháp dạy học không bị mất đi phương pháp dạy học truyền thống mà biết kế thừa và tiếp cận cái mới. Hạn chế của lứa tuổi này là họ không còn năng động, sáng tạo trong tư duy và hành động, thích sự ổn định, không hứng thú với sự đổi mới, hạn chế trong ứng dụng công nghệ thông tin. Vì vậy, trong công tác quản lí, phải biết dung hoà được ưu điểm của các độ tuổi để phát triển đội ngũ một cách đồng bộ.

Nhìn chung, độ tuổi của GV tiếng Anh tiểu học trong vùng là sự trẻ trung, năng động, giàu nhiệt huyết nghề nghiệp, trình độ chuyên môn khá vững và mới. Đây là yếu tố cơ sở cho việc hoạch định các chủ trương, kế hoạch phát triển giáo dục của vùng nói chung và ĐNGV tiếng Anh tiểu học nói riêng. Một nét đặc trưng nữa là sự chênh lệch khá lớn giữa lực lượng GV trẻ (độ tuổi dưới 35) với các độ tuổi còn lại, điều này ảnh hưởng rất lớn đến tính kế thừa giữa các thế hệ. Vấn đề đặt ra cho các nhà quản lí giáo dục trong công tác phát triển đội ngũ vừa phải phát huy được ưu điểm, vừa phải khắc phục những hạn chế trong ĐNGV tiếng Anh tiểu học nhằm đáp ứng được các yêu cầu, tiêu chí của khung Chuẩn nghề nghiệp GV tiếng Anh tiểu học.

3.2. Cơ cấu trình độ đào tạo của ĐNGV

Để đáp ứng yêu cầu chất lượng giảng dạy theo chương trình tiếng Anh mới, các sở giáo dục và đào tạo trong vùng đã triển khai thực hiện một cách tích cực công

tác tuyển dụng, sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng nên tỉ lệ GV có trình độ đạt chuẩn, tỉ lệ trên chuẩn năm sau cao hơn năm trước (bảng 1).

Kết quả từ số liệu điều tra tại các tỉnh Bắc Trung Bộ cho thấy 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo (từ năm 2011 đến nay). Tỉ lệ GV trên chuẩn được tăng lên theo từng năm học. Kết quả điều tra về năng lực ngoại ngữ theo Khung tham chiếu Châu Âu, có 36,6% đạt năng lực bậc 4 (B2), có 2,8% GV đạt năng lực B5 năm học 2014 - 2015. Như vậy, theo quy định, còn khoảng hơn 60% số GV tiếng Anh dạy tiểu học chưa đạt chuẩn năng lực.

Trong thực tế, ĐNGV tiếng Anh tiểu học trong vùng phát triển trên một nền tảng không thực sự vững chắc về chất lượng. Năm 2008, khi Đề án dạy học Ngoại ngữ Quốc gia ra đời, môn Tiếng Anh mới trở thành môn học bắt buộc, đội ngũ GV tiếng Anh tiểu học mới được hình thành. Thời điểm này, để đảm bảo đủ số lượng GV, hầu hết các phòng giáo dục và đào tạo đã chọn giải pháp tức thời, tiếp tục hợp đồng số GV cũ, chuyển một số GV trung học cơ sở về dạy tiếng Anh ở tiểu học. Bên cạnh đó, GV dạy tiếng Anh ở tiểu học chủ yếu được đào tạo để dạy bậc trung học, vì hiện tại chưa có trường đại học nào đào tạo chuyên ngành sư phạm GV tiếng Anh tiểu học. Điều này tạo ra sự mâu thuẫn giữa trình độ đào tạo và kĩ năng sư phạm, chuyên môn, nghiệp vụ của GV tiếng Anh tiểu học.

4. Chất lượng ĐNGV tiếng Anh tiểu học tại sáu tỉnh Bắc Trung Bộ

Trong bài viết này, đối tượng khảo sát về thực trạng ĐNGV tiếng Anh tiểu học gồm có 1573 người, trong đó: lãnh đạo, chuyên viên chuyên môn các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo (73 người); cán bộ quản lí các trường tiểu học (720 người) và GV dạy tiếng Anh các trường tiểu học (780 người) tại 04 tỉnh (Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình và Hà Tĩnh). Bên cạnh đó, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu cho 92 GV tiếng Anh, 70 cán bộ quản lí các trường tiểu học, lãnh đạo, chuyên viên chuyên môn sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo. Kết quả phân tích thực trạng chất lượng ĐNGV tiếng Anh tiểu học được đánh giá, nhận định căn cứ vào báo cáo

của các sở giáo dục và đào tạo, số liệu thống kê, kết quả khảo sát của 1573 lãnh đạo, chuyên viên, cán bộ quản lí, GV, kết quả phỏng vấn sâu.

4.1. Phẩm chất ĐNGV tiếng Anh tiểu học

Kết quả nhận xét phẩm chất ĐNGV tiếng Anh tiểu học được hình thành trên cơ sở báo cáo của các sở giáo dục và đào tạo, kết quả đánh giá GV của các trường tiểu học, của các phòng giáo dục và đào tạo (nguồn: Báo cáo tổng kết cụm thi đua 6 tỉnh Bắc Trung Bộ năm 2015) kết hợp với kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi của 1573 khách thể khảo sát. Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 2.

Kết quả kiểm định hai giá trị trung bình độc lập cho thấy có sự khác biệt trong việc đánh giá về phẩm chất của GV tiếng Anh tiểu học giữa GV và cán bộ quản lí, trong đó, GV tự đánh giá về phẩm

Bảng 1: Cơ cấu trình độ đào tạo của GV tiếng Anh tiểu học

	2011-2012		2012-2013		2013-2014		2014-2015	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Trình độ đào tạo								
Tổng GV tiếng Anh trong Vùng	1755		1983		2,221		2241	
Thạc sĩ	3	0,2%	3	0,2%	6	0,3%	8	0,4%
Đại học	1128	64,3%	1354	68,3%	1660	74,7%	1721	76,8%
Cao đẳng	624	35,6%	626	31,6%	555	25,0%	512	22,8%
Năng lực ngoại ngữ								
Bậc 1 (A1)	212	12,1%	351	17,7%	284	12,8%	230	10,3%
Bậc 2 (A2)	673	38,3%	743	37,5%	622	28,0%	468	20,9%
Bậc 3 (B1)	170	9,7%	278	14,0%	609	27,4%	698	31,1%
Bậc 4 (B2)	239	13,6%	425	21,4%	668	30,1%	821	36,6%
Bậc 5 (C1)	0	0,0%	9	0,5%	35	1,6%	62	2,8%
Bậc 6 (C2)	0	0	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%

Bảng 2: Phẩm chất của ĐNGV tiếng Anh tiểu học

TT	Phẩm chất	GV tiếng Anh		Cán bộ quản lí	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo.	4,74	0,61	4,73	0,57
2	Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; vì học sinh thân yêu.	4,71	0,55	4,66	0,61
3	Thể hiện tinh hợp tác, cộng tác và làm việc theo nhóm.	4,48	0,72	4,34	0,71
4	Thiết tha gắn bó, có hoài bão tâm huyết với nghề dạy học.	4,63	0,59	4,58	0,68
5	Tự tin, năng động trong giao tiếp	4,31	0,74	4,29	0,73
6	Có ý thức tổ chức kỷ luật.	4,73	0,51	4,60	0,64
7	Ý thức đào tạo, tự học, tự bồi dưỡng nâng chuẩn, phấn đấu nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; thường xuyên rèn luyện sức khỏe; tận dụng các cơ hội phát triển chuyên môn.	4,43	0,71	4,40	0,73
8	Ý thức và trách nhiệm với công tác phát triển đội ngũ.	4,45	0,65	4,40	0,71
Chung		4,56	0,46	4,50	0,56

(Ghi chú: ĐTB: điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$)

chất của họ cao hơn so với đánh giá của cán bộ quản lí về họ ($t(1498) = 2.31$; $p < 0.05$). Tuy nhiên, sự khác biệt ấy không quá cách biệt, điều đó cũng phản ánh đúng thực tế về việc tự đánh giá của GV và các chủ thể quản lí đánh giá GV.

Nhìn chung, ĐNGV tiếng Anh tiểu học đều ý thức sâu sắc mình là nhà giáo dục, giáo dục trẻ em bằng chính nhân cách của mình. Do đó, ĐNGV luôn có ý thức tự hoàn thiện mình để có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của người công dân và có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh luôn là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tế, qua kết quả thanh tra của các sở, phòng giáo dục và đào tạo, còn có một bộ phận nhỏ GV chưa nhận thức và thực hiện đầy đủ các quy định của đạo đức nhà giáo, còn vi phạm trong dạy thêm, học thêm; thiếu sự kết hợp với phụ huynh học sinh và nhân dân; có những biểu hiện tiêu cực trong lối sống, trong quan hệ công tác, giảng dạy. Đặc biệt, một số ít GV thiếu ý thức trách nhiệm với việc tự phát triển bản thân, phát triển tổ chức, chưa toàn tâm, toàn ý với nghề. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng dạy học, và tạo dư luận không tốt trong phụ huynh và học sinh.

4.2. Năng lực ĐNGV tiếng Anh tiểu học

Bảng 3: Năng lực của ĐNGV tiếng Anh tiểu học

TT	Năng lực	GV tiếng Anh		Cán bộ quản lí		t(1498)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Năng lực hành động	3,84	0,80	3,98	0,70	3,56***
2	Năng lực giáo dục	3,94	0,89	4,11	0,75	4,03***
3	Năng lực chủ thể hóa	4,06	0,94	4,19	0,71	2,96**
4	Năng lực xã hội hóa	3,74	0,82	3,95	0,76	4,95***
5	Năng lực giao tiếp	3,87	0,89	4,06	0,75	4,54

(Ghi chú: ĐTB: điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; **: $p < 0.01$; ***: $p < 0.001$)

Từ kết quả khảo sát cho thấy, có sự khác biệt trong đánh giá năng lực giữa các khách thể độc lập tham gia khảo sát: GV tự đánh giá, cán bộ quản lí ($F(2, 1570) = p < 0.01$, $P < 0,001$). Điểm trung bình của các tiêu chí trong khoảng 3,5 điểm đến 4,1 điểm tức là ở mức cận khá và khá. Nguyên nhân của sự khác biệt đó chính là quan điểm nhìn nhận và mục đích đánh giá của các khách thể tham gia đánh giá khác nhau. GV nhận thức chưa đầy đủ về yêu cầu năng lực mà GV cần phải đạt được nên tự đánh giá năng lực của mình mang tính chủ quan; cán bộ quản lí đánh giá GV trong một phạm vi hẹp tại một trường và đối tượng được đánh giá chỉ từ 1-2 người nên chặt chẽ hơn; lãnh đạo, chuyên viên sở, phòng giáo dục và đào tạo đánh giá GV ở phạm vi rộng hơn, khái quát hơn và có thể so sánh các

đối tượng được đánh giá đầy đủ hơn nên kết quả đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, sự khác biệt đó không lớn, hầu hết các thông số gần có sự tương đồng nên kết quả đánh giá phản ánh đúng thực chất ưu điểm, hạn chế về năng lực của ĐNGV tiếng Anh tiểu học sáu tỉnh Bắc Trung Bộ trong giai đoạn hiện nay.

Trong các nhóm, năng lực giáo dục được đánh giá cao nhất (điểm trung bình: (GV: 3,94; cán bộ quản lí: 4,11). Kết quả đó cho thấy, GV đã nhận thức đầy đủ sự phát triển của xã hội và các nhu cầu cần thiết của học sinh lứa tuổi tiểu học: nhu cầu cảm xúc, nhu cầu học tập cũng như tâm, sinh lí lứa tuổi này. Từ đó, GV đã biết thực hiện giáo dục thông qua hoạt động dạy học tiếng Anh, gắn nội dung dạy học với thực tiễn cuộc sống, tích hợp kiến thức môn học trong tổ chức dạy học thông qua các hoạt động giáo dục như hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức lồng ghép các loại hình câu lạc bộ tiếng Anh; xử lí linh hoạt các tình huống sư phạm diễn ra trong và ngoài lớp; biết phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để giáo dục đạo đức học sinh; có kĩ năng đánh giá, xếp loại kết quả rèn luyện đạo đức học sinh, v.v...

Kết quả đánh giá tiêu chuẩn năng lực hành động cũng chưa cao, thiếu đồng đều (điểm trung bình của GV: 3,84; cán bộ quản lí: 3,98). Đây là một trong những năng lực chủ chốt, phản ánh rõ nét hoạt động sư phạm của mỗi GV tiếng Anh tiểu học và thông qua đó có những nhận định chính xác về chất lượng ĐNGV. Kết quả khảo sát cho thấy, GV cơ bản đã hiểu và mô tả được năng lực theo Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học, Khung tham chiếu Châu Âu dành cho GV dạy tiếng Anh tiểu học ở trình độ A1; nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình tiếng Anh cấp Tiểu học cũng như Chuẩn đầu ra của học sinh tiểu học; đã biết tích hợp, lồng ghép kiến thức các môn Địa, Sử, Toán, Khoa học...vào tiết dạy để tạo sự phong phú về nội dung... Tuy nhiên, trong các tiêu chí về năng lực đưa ra khảo sát, năng lực hành động của GV có kết quả đánh giá thấp nhất, chỉ dừng lại ở mức độ cận khá. Có nghĩa, GV tiếng Anh tiểu học còn thiếu hụt các năng lực cơ bản trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.

Qua phỏng vấn sâu và báo cáo các sở giáo dục và

đào tạo cho thấy, GV chưa tạo được hứng thú học tập cho học sinh thể hiện: chưa thành thạo trong kĩ năng bố trí không gian lớp học để tạo sự tương tác của học sinh; kĩ năng vận dụng sáng tạo các phương pháp và kĩ thuật dạy học; kĩ năng xây dựng môi trường dạy ngôn ngữ trong và ngoài nhà trường. Bên cạnh đó, không ít GV còn tồn tại nhiều khiếm khuyết như: kiến thức chuyên môn chưa vững, thiếu hụt kiến thức cơ bản về văn hóa, con người nước Anh; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng học liệu còn hạn chế; kĩ năng thiết kế nội dung đánh giá năng lực của học sinh chưa đáp ứng được sự đổi mới trong công tác đánh giá học sinh tiểu học.

Kết quả đánh giá các năng lực chủ thể hóa, xã hội hóa và năng lực giao tiếp có thông số gần trùng khớp nhau giữa hai khách thể tham gia khảo sát. Kết quả khảo sát chưa có cơ sở lượng hóa, còn mang nặng tính định tính, nhưng theo tác giả, kết quả đánh giá của CBQL các trường tiểu học phản ánh đúng thực trạng các năng lực trên của ĐNGV tiếng Anh tiểu học. Vì CBQL đánh giá GV theo cách nhìn nhận của một nhà quản lí, trực tiếp sử dụng, bồi dưỡng và phát triển GV nên có quan sát, theo dõi và đánh giá một cách khách quan sát thực tế.

Kết quả phân tích các năng lực chủ thể hóa, năng lực giao tiếp và năng lực xã hội hóa như trên đặt ra những vấn đề cấp thiết trong công tác quản lí phát triển ĐNGV tiếng Anh tiểu học. Đó là cần phải tạo ra môi trường phát triển phù hợp để ĐNGV có cơ hội giao lưu, học hỏi bên trong và bên ngoài nhà trường; mở rộng các mối quan hệ xã hội tạo nên sự gắn kết chặt chẽ ba bên giữa nhà trường, gia đình và xã hội, mà GV là cầu nối quan trọng.

5. Đánh giá chung về ĐNGV tiếng Anh tiểu học

5.1. Ưu điểm

Số lượng ĐNGV cơ bản đã đảm bảo theo định mức biên chế trong các trường tiểu học. GV có trình độ đạt chuẩn đào tạo 100%; trên chuẩn 77,2 %, trong đó có 0,4% GV có trình độ đào tạo thạc sĩ. Điều này chứng tỏ, chất lượng ĐNGV được nâng lên một cách rõ rệt, ngày càng đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy học ngoại ngữ. ĐNGV có ý thức tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có trách nhiệm tự phát triển bản thân và phát triển tổ chức. GV có trình độ tin học đảm bảo, có thể vận dụng, tích hợp vào trong dạy học và tổ chức các hoạt động đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong trường học và yêu cầu đổi mới của chương trình. Tỷ lệ GV trẻ và GV ở độ tuổi trung niên không chênh lệch nhau nhiều, đảm bảo được sự cân đối giữa lực lượng GV ở các độ tuổi.

5.2. Hạn chế

Môi trường phát triển: Môi trường triển khai dạy học tiếng Anh không đồng đều giữa các trường trên địa bàn của một tỉnh và trong vùng; có sự chênh lệch về phân bố thời gian cũng như môi trường học tập giữa các trường triển khai dạy học 2 buổi/ngày và 1 buổi/ngày. Điều này ảnh hưởng đến môi trường phát triển của ĐNGV tiếng Anh tiểu học đó là: thiếu sự gắn kết giữa môi trường bên trong nhà trường, môi trường bên ngoài nhà trường, giữa các đơn vị trường trong 1 huyện, thị xã, thành phố và giữa các huyện trong toàn tỉnh; giữa các tỉnh trong vùng.

Chất lượng ĐNGV: 1/ GV tiếng Anh không được đào tạo để dạy cho cấp Tiểu học. Những GV đang dạy cho cấp học này được tuyển dụng từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu là những người tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng sư phạm đào tạo dạy trung học cơ sở và trung học phổ

thông; 2/ Vẫn còn tình trạng thiếu GV và một bộ phận ĐNGV tiếng Anh tiểu học còn làm việc dưới hình thức hợp đồng; GV trong biên chế chưa đủ theo định mức; 3/ Đội ngũ GV tiếng Anh tiểu học có sự chênh lệch đáng kể về trình độ đào tạo và năng lực chuyên môn; 4/ Số lượng GV đạt chuẩn năng lực còn thấp; 5/ Sự gắn bó với nghề cũng là một trong những bất cập.

Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

6. Kết luận

Trên cơ sở phân tích thực trạng ĐNGV, có thể thấy, các nhà quản lí cần có cách nhìn tổng thể và khái quát về thực trạng quản lí phát triển ĐNGV tiếng Anh tiểu học để từ đó có những giải pháp phù hợp, khoa học và tích cực nhằm phát triển ĐNGV tiếng Anh tiểu học đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vùng Thi đua 6 tỉnh Bắc Trung Bộ, Báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 6 tỉnh Bắc Trung Bộ 2014-2015, số 1549/SGD&ĐT-VP ngày 18/6/2015.

[2]. Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), Báo cáo Tổng kết năm học 2014-2015, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 2015-2016 giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, ngày 06/8/2015.

[4]. Thủ tướng Chính phủ, (2010), Phê duyệt Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục Quốc dân 2008 - 2020, Ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/9/2008.

[5]. Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

[6]. Công văn 1420/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 27 tháng 02 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tuyển dụng giáo viên tiếng Anh tiểu học.

[7]. Sở Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo triển khai thực hiện dạy ngoại ngữ theo Đề án dạy học ngoại ngữ Quốc gia 2020 năm 2015 của các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa.

SUMMARY

English subject at primary school became a compulsory subject from the academic year 2010-2011, this means the English teaching staff of primary schools became new human resources, whereas, English teacher at six North Central provinces (Thua Thien Hue, Quang Tri, Quang Binh, Ha Tinh, Nghe An and Thanh Hoa) has many shortcomings. In this article, the author conducted a survey by questionnaire to English teachers, staff and school managers, leaders and professionals in charge of professional education and training, Education and training in the North Central province on the status of teachers team, development and management team, development of primary English teachers in six provinces in the North Central areas.

Keywords: Teachers; primary schools; English.